

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 11/01/2023  
V/v: “*Tranh chấp  
Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hán Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Sâm
2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê T1 Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

*Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1987 (vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Cùng địa chỉ: Khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022; tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ 13/7/2007. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc; nhưng trong thời gian vài năm trở lại đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh T1 nghiện rượu, không làm chủ được bản thân lại không chịu làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi

nhau. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 3 con chung là cháu Trần Phi H, sinh ngày 29/3/2008; Trần Minh Q, sinh ngày 18/01/2010 và Trần Nam K, sinh ngày 05/7/2014. Ly hôn chị xin nuôi cháu K, anh T1 nuôi cháu H và cháu Q theo đúng nguyện vọng của các cháu.

- *Về Tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 13 tháng 10 năm 2022, bị đơn anh Trần Văn T1 có quan điểm trình bày*: Anh thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như chị T đã trình bày. Anh thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần vợ chồng cãi nhau. Từ tháng 5/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên chị T xin ly hôn thì anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị T và anh không muốn anh chị ly hôn các con bị khổ. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cả 3 con, không yêu cầu chị T phải cấp tiền nuôi con.

*Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Văn T1.

*Về con chung; Tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Do chị T trình bày không có, không đề nghị xem xét, nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

*Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 có quan điểm tự khai trình bày quan điểm của mình. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T1 là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T xin được ly hôn anh T1 thấy rằng: Chị T và anh T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 13 tháng 7 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã V thể hiện: Vợ chồng chị T và anh T1 trong quá trình chung sống có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên uống rượu, không làm chủ bản thân nên dẫn tới vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Trong khi đó, anh T1 không tham gia hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Anh T1 có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T1 có 3 người con chung là Trần Phi H, sinh ngày 29/3/2008; Trần Minh Q, sinh ngày 18/01/2010 và Trần Nam K, sinh ngày 05/7/2014.

Xét nguyện vọng của chị T đề nghị trực tiếp nuôi cháu K, anh T1 trực tiếp nuôi cháu H và cháu Q; anh T1 đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba con thấy rằng: Nghề nghiệp chính của anh chị là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nếu giao cả ba con cho anh T1 hay chị T trực tiếp nuôi dưỡng thì không thể đảm bảo tốt nhất sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, sẽ không đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chung. Trong khi đó, cháu H và cháu Q có nguyện vọng được ở với anh T1 và cháu K có nguyện vọng xin được ở với chị T nếu anh chị ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cũng như nguyện vọng của các con chung. Cần giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H và cháu Q cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T và anh T1 đều không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị T và anh T1 không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

*Xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Trần Văn T1.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là Trần Nam K, sinh ngày 05/7/2014. Giao cho anh Trần Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Phi H, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Minh Q, sinh ngày 18/01/2010. Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007996 ngày 10/10/2022; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã V;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

**Nguyễn Hán Hưởng**

